TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **152**/2019/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 25 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị H**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: xã D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn N**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: xã D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 16/9/2003; Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 30/3/2007. Hiện nay cháu T đang ở với chị H, cháu Ng đang ở với anh N.

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 16/9/2003 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 30/3/2007 cho anh Nô trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N cùng xác nhận vợ chồng không có nợ của ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Là 150.000 đồng. Chị Phạm Thị H phải chịu 75.000 đồng và anh Nguyễn Văn N phải chịu 75.000 đồng, nhưng chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện thỏa thuận chị Phạm Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 006743 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Chị Phạm Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND xã D, huyện P, tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan